NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 5
MÔN: TIẾNG ANH KHỐI: 6
UNIT 2: SCHOOL – LESSON 2
TIẾT 1,2

I. New Words

Words	Kinds of speech (Từ loại)	Pronunciaion	Meanings
1. act	(v: Động từ)	/ækt/	diễn xuất
2. activity	(n: Danh từ)	/ækˈtɪvəti/	hoạt động
3. indoor ≠ outdoor	(adj: Adjective: tính từ)	/ˈɪndɔːr/ /ˈaʊtdɔːr/	trong nhà ≠ ngoài trời
4. sign up = register	(v)	/saɪn ʌp/	đăng ký
5.arts and crafts	(n)	/ɑːrt ənd krɑːfts/	thủ công mỹ nghệ
5. drama club	(n)	/ˈdra: mə klʌb/	câu lạc bộ kịch

Exercise 1: Circle the correct definitions for the bold words.

1. I don't like playing outside when it's cold and raining. I like doing **indoor activities** like playing video games.
   a. things people do in a building
b. things people do on a computer
2. We watch people **act** in movies, theater plays, and TV shows.
a. make money
b. perform a role or part for an audience
3. To be in the school play, *Romeo and Juliet*, you need to join the **drama club**.
a. This group performs plays in front of other people.
b. This group likes painting and drawing.
4. To join a club, **sign up** on the noticeboard. Add your class and phone number, too.
a. read a sign
b. add your name to a list
5. In the summer, I love doing **outdoor activities** like football and cycling.
a. team sports
b. things you do outside
6. I enjoy doing **arts and crafts**. I make presents for my family, like T-shirts and necklaces.
a. beautiful and/or useful objects made at home
b. visiting museums and art shows

Exercise 2: Put the following words in the correct columns

Vận dụng kiến thức, hiểu biết của bản thân hãy xếp các hoạt động sau đây vào đúng ô
Arts and crafts, soccer, table tennis, volleyball, billiard, swimming, chess, cycling, skiing.

Indoor activities *Hoạt động trong nhà*	*Outdoor activities* *Hoạt động ngoài trời*
- - - - -	- - - - -

II. Reading

*** New Vocabulary:**

Lots of = a lot of (từ định lượng): nhiều fun (n): niềm vui

If: nếu
Soccer = Football (n): bóng đá
Club (n): Câu lạc bộ
meet (v): gặp mặt
At + giờ: vào lúc …. giờ
at the same time: cùng thời gian
Board Games: những trò chơi trên bàn ví dụ như Table tennis: bóng bàn, Chess: Cờ
Start = Begin (v): bắt đầu
popular (adj): phổ biến
Noticeboard (n): bảng thông báo
welcome (v): chào đón
Need + to V(nguyên mẫu): cần làm gì đó.
Example: In the evening, you need to make dinner. (Vào buổi tối, bạn cần phải nấu bữa tối.)
Bring (v) + something: mang thứ gì đó
cost (n): chi phí
Material (n): vật liệu

Exercise 3: Read the passage in textbook page 17 and decide whether the statements are True (T) or False (F). (Đọc đoạn văn trong SGK trang 17 và xác định các câu sau Đúng hay Sai)

1. The Soccer Club is an outdoor club. ……..
2. The Tennis Club meets at the different time from The Soccer Club. ……..
3. The Board Games Club begins this week. ……..
4. The cost in Arts and Crafts Club is 20 dollars per term for materials. ……..

Exercise 4: Read the passage again and answer the questions. (Đọc lại đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau)

1. Which club is on Tuesdays?
→ …….
2. Which club wants you to sign up on the noticeboard?
→ …….
3. Which club wants you to take something with you?
→ …….
4. Which club needs money?
→ …….

Exercise 5: Read the passage again and fill in the missing words (Đọc lại đoạn văn và điền từ còn thiếu)

We have lots of fun clubs at our school. If you like _____ activities, the Soccer Club meets at 4 p.m. every Tuesday, with the Tennis Club at the same time on Thursdays. For _____ activities, the Board Games Club starts next week. It is popular so please _____ on the noticeboard. The Book Club welcomes anyone who likes reading. You don't need to sign up but please bring your own copy of The Secret Garden with you to the Library at 4 p.m. on Wednesday. Our _____ Club is for people who like making things. The cost is $20 per term for materials.

III. Grammar

* Ở **Lesson 1**, chúng ta đã học được 1 cách sử dụng của động từ "**Like**" đó là diễn tả ai đó thích cái gì, cụ thể hơn là ai đó thích môn học nào đó. Thì trong **Lesson 2,** chúng ta sẽ học một cách sử dụng khác của động từ "**Like**". Đó là:

Chúng ta sử dụng động từ "**Like**" để nói về những việc mà chúng ta thường làm hay làm; hay nói cách khác là dúng để diễn tả hành động mà ai đó thích làm. Lúc này, sau động từ "**Like**" sẽ không sử dụng danh từ nữa mà ta sẽ sử dụng **Động từ** dưới hình thức thêm đuôi **ing,** do đó ta có công thức sau:

Like + Verb-ing (V-ing)

* Quy tắc thêm ing vào sau động từ:

Trong Tiếng Anh, các chữ cái ***a, e, i, o, u*** được gọi là nguyên âm (**Vowels**), các chữ cái còn lại được gọi là phụ âm (**Consonants**)

+ Nếu động từ kết thúc theo công thức sau **Consonant+e** thì ta bỏ **e** rồi sau đó mới thêm **-ing.** Ví dụ: mak**e** → mak**ing**.
+ Nếu động từ có 1 âm tiết kết thúc theo công thức sau: **consonant + vowel + consonant** thì ta sẽ gấp đôi **consonant** ở phía sau rồi sau đó mới thêm **-ing.** Ví dụ: s**wim** → s**wimming**
+ Không gấp đôi phụ âm cuối khi động từ kết thúc bằng các chữ cái sau: **w**, **x** or **y.** Ví dụ: pla**y** → pla**ying**

Exercise 6: Rewrite the verbs using -ing (Viết lại các động từ sau bằng việc sử dụng đuôi -ing)

1. sing → singing
2. Draw → ……..
3. Cut → ……..
4. read → ……..
5. Dance → ……..
6. Get → ……..
7. act → ……..

Exercise 7: Fill in the blanks (Điền vào chỗ trống bằng cách dùng từ trong ngoặc)

Mia: There's an art club. Do you like (1) ___ painting___? (paint)
Penny: No, I don't.
Mia: Do you like (2) _____? (do/outdoor activities)
Penny: Yes, I do. I like sports.
Mia: Do you like (3) _____ ? (play/tennis)
Penny: No, not really.
Mia: Do you like (4) _____ ? (swim)
Penny: Yes, I do.
Mia: Great. We can sign up for the swimming club.

TIẾT 3

III. Pronunciation (HỌC SINH TỰ HỌC)

***** Trong bài học hôm nay, chúng ta tiếp tục học về ngữ điệu trong 1 câu. Như đã biết ở trong Unit 1 – Lesson 1 thì trong câu hỏi trả lời bằng Yes/No thì ngữ điệu sẽ đi lên ở cuối câu. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm các trường hợp ngữ điệu đi lên trong các câu khác, và ngữ điệu đi xuống.
- Ngữ điệu đi lên trong trường hợp câu trả lời khẳng định.
- Ngữ điệu đi xuống trong trường hợp câu trả lời phủ định.

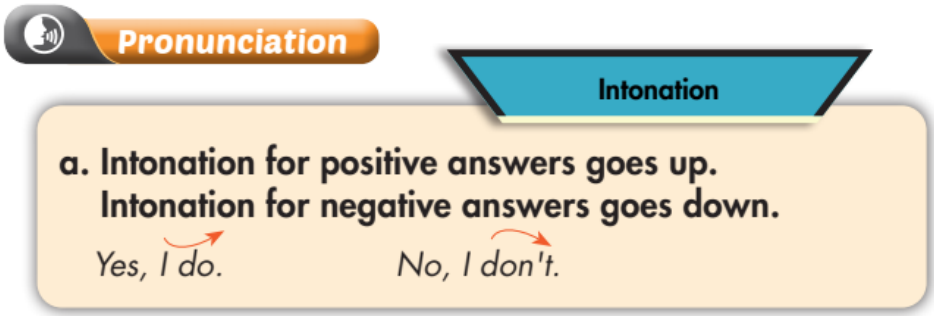

Exercise 8: Rearrange these sentences into a completed dialogue (Sắp xếp các câu sau để tạo thành một đoạn hội thoại hoàn chỉnh)

a. There's a book club. Do you like reading?
b. Yes, good idea.
c. Why don't you sign up for it?
d. Hmm. I don't know.
e. How about an I.T club?
f. Which club do you want to sign up for?
g. No, I don't.
h. Yes, I really like using computer.

1. _____, 2. _____, 3. _____, 4. _____,
5. _____, 6. _____, 7. _____, 8. _____

FURTHER PRACTICE

Exercise 9: Write full questions and answer using the give words and your own ideas (Viết câu hỏi hoàn chỉnh và trả lời câu hỏi sử dụng từ cho sẵn và ý kiến riêng của bản thân)

1. Which/ club/ you/ want/ sign up? → Which club do you want to sign up?
→…… (Ghi câu trả lời)
2. There's/ table tennis club./ Do/ you like/ play/ table tennis? → …….
→……
3. There's/ science club./ Do/ you/ like/ science? →…….
→…….

Trong tuần này, học sinh sẽ học trực tuyến với giáo viên trong tiết 1 + 2 ở nội dung mục I và II. Còn tiết 3 học sinh sẽ tự học bằng việc thực hiện nội dung ở mục III và hoàn thành các bài tập được bôi màu đỏ.